

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 1755/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 17 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định
số 2018/QĐ-UBND ngày 30/06/2008 Ủy ban nhân dân tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Xét đề nghị của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương tại Tờ trình số 209/TTr-ĐTPT ngày 03 tháng 07 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương (sau đây gọi tắt là Quỹ) ban hành kèm theo Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/06/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi Khoản 4 Điều 2:

“Điều 2. Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương

“4. Địa chỉ trụ sở chính của Quỹ đặt tại số 01 đường Quang Trung, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và có thể thay đổi theo yêu cầu thực tế do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4:

“Điều 4. Nguyên tắc hoạt động



Quỹ là tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6:

“Điều 6. Quản lý nhà nước đối với Quỹ

“1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương trực tiếp quản lý hoạt động của Quỹ và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Chính phủ và pháp luật hiện hành”.

“2. Sở Tài chính Bình Dương thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Quỹ và thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

“3. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay; Báo cáo tình hình thực hiện cho vay, đầu tư của Quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính. Thực hiện chế độ kế toán và cơ chế quản lý tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính”.

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1; điểm a, Khoản 4 và Khoản 5, Điều 11:

“Điều 11. Đầu tư trực tiếp vào các dự án

“1. Đối tượng đầu tư trực tiếp: Các dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội phát triển của tỉnh đã được Hội đồng nhân dân chấp thuận và UBND tỉnh quyết định hàng năm hoặc theo từng thời kỳ”.

“4.a. Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư.

“5. Giới hạn đầu tư trực tiếp: Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện”.

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 8 và bổ sung khoản 11, Điều 12:

“Điều 12. Cho vay đầu tư

“1. Đối tượng cho vay: Các phương án, dự án thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội phát triển của tỉnh đã được Hội đồng nhân dân chấp thuận và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hàng năm hoặc theo từng thời kỳ.

“3. Thời hạn cho vay: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay với một dự án có thời gian vay vốn trên 15 năm”.

“4. Lãi suất cho vay:

a) Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

b) Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu.

c) Quỹ quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng phương án, dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này.

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định tại Quyết định này với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó.

đ) Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 1 Quyết định này.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ theo quy định tại điểm đ Khoản này, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ.

e) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Quyết định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.”

“5. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.



b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

c) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Quyết định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.”

“8. Cho vay hợp vốn:

a) Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

b) Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh, thành phố nơi Quỹ hoạt động thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Dự án phải thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển của tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

- Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa phương nơi Quỹ hoạt động;

- Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho vay hợp vốn ở ngoài địa bàn tỉnh chấp thuận.

c. Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng với các điều kiện, điều khoản tuân thủ đúng quy định tại Điều 12 của Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/06/2008 và Quyết định này của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

d. Lãi suất cho vay hợp vốn do các Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này.

“11. Căn cứ vào đối tượng cho vay tại Khoản 1 Điều này, Quỹ lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay quy định tại Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 30/06/2008 của UBND tỉnh và Quyết định này”.

6. Sửa đổi Khoản 1 và Khoản 3 Điều 13:

“**Điều 13.** Góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế

“1. Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này”.

3. Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện”.

7. Sửa đổi Khoản 4 Điều 18:

“Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

“4. Hội đồng quản lý phê duyệt mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định ban hành thực hiện”.

8. Sửa đổi Khoản 2 Điều 21:

“Điều 21. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

“2. Các ủy viên chuyên trách của Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Các ủy viên kiêm nhiệm của Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ được hưởng thù lao theo quy định của nhà nước hiện hành”.

9. Sửa đổi Khoản 3 Điều 28:

“Điều 28. Chế độ tài chính

“3. Cơ chế tiền lương, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Việc xếp hạng Quỹ theo tiêu chuẩn xếp hạng đối với nhóm công ty tài chính”.

Điều 2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ngân hàng nhà nước tỉnh, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT tỉnh;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- NHNN tỉnh;
- Quỹ ĐTPT tỉnh;
- LĐVP, Hg, Tạo, TH;
- Lưu: VT././ 16

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Cung
Lê Thanh Cung